TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 354/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2020
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Bình Minh,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Ngọc Thúy

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 823/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019, về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim L , sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp BĐT, xã BN, huyện A, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt – có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Vũ Kim B , sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 351/11 ADV, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 30/7/2018 cùng lời khai của bà Lê Thị Kim L trình bày như sau:

Bà Lê Thị Kim L và ông Vũ Kim B tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2013 theo giấy chứng nhận kết hôn số 126 do Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/6/2013. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống tại nhà trọ ở địa chỉ Số 351/11 ADV,

Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Ông B còn thường xuyên đánh đập, chửi bới bà L bằng những lời lẽ thiếu tế nhị khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vì vậy cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Đến tháng 10/2017 bà L đã dọn ra ngoài ở và vợ chồng chính thức ly thân từ thời điểm đó cho đến nay.

- Nay bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên yêu cầu ly hôn với ông Vũ Kim B.

- Về con chung: bà L đồng ý giao con chung tên là Vũ Thiên Hoàng, sinh ngày 22/11/2011 cho ông Vũ Kim B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà L và ông B tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Kim L xác định không có.

Ngày 27/5/2020 bà Lê Thị Kim L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong tất cả các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa xét xử.

Phía ông Vũ Kim B tại bản tự khai đề ngày 23/11/2018 và phiên hòa giải ngày 23/01/2019 tại Tòa án án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh Ông B trình bày: Ông B thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian kết hôn, về con chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có sự quan tâm, thông cảm, thấu hiểu cho nhau nên gia đình không hạnh phúc. Nay qua yêu cầu xin ly hôn của bà L thì ông B cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Vũ Thiên Hoàng, sinh ngày 22/11/2011 vì hiện nay con đang sống cùng ông Bằng.

Về tài sản chung: Ông B xác định không có tài sản chung với bà L

Về nợ chung: Ông B khai trong quá trình chung sống vợ chồng có nợ của ngân hàng HD số tiền 150.000.000đồng nên yêu cầu bà L phải trả cho Ông B số tiền 50.000.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Kim B không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiến cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như không tham gia phiên tòa, không có văn bản nêu ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với những yêu cầu của mình.

Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc giải quyết vụ án dân sự nêu trên của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của

người tham gia tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án việc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 30/7/2018, bà Lê Thị Kim L nộp đơn khởi kiện (có hình thức, nội dung theo Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự), xin ly hôn đối với ông Vũ Kim B, địa chỉ tại Số 351/11 ADV, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Vũ Kim B theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 385 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để triệu tập ông Vũ Kim B đến Tòa án nhân dân Quận 6 làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiến cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Nhưng ông Vũ Kim B đã không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để: làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiến cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Xét việc bà Lê Thị Kim L là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và ông Vũ Kim B là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Lê Thị Kim L và ông Vũ Kim B.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Tòa án nhân dân Quận 6 đã tống đạt hợp lệ cho ông Vũ Kim B thông báo thụ lý vụ án số 1505/TB-TLVA ngày 09/12/2019 về việc thụ lý vụ án "Ly hôn" theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị Kim L yêu cầu ly hôn với ông Vũ Kim B. Phía ông Vũ Kim B không có văn bản ghi ý kiến, cũng như không đến Tòa án nhân dân Quận 6 theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, chứng tỏ ông Vũ Kim B đã "không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu…" mà bà Lê Thị Kim L đưa ra. Chính vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân Quận 6 công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do bà Lê Thị Kim L đưa ra có giá trị chứng minh.

- Xét về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Kim L và ông Vũ Kim B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 126 do Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/6/2013.

Nên căn cứ Luật hôn nhân và gia đình quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị Kim L và ông Vũ Kim B là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Kim L khai: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2017 do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Ông B còn thường xuyên đánh đập, chửi bới bà L bằng những lời lẽ thiếu tế nhị khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vì vậy cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Đến tháng 10/2017 bà L đã dọn ra ngoài ở và vợ chồng chính thức ly thân từ thời điểm đó cho đến nay.

Phía ông Vũ Kim B khai: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có sự quan tâm, thông cảm, thấu hiểu cho nhau nên gia đình không hạnh phúc. Nay qua yêu cầu xin ly hôn của bà L thì ông B cũng đồng ý ly hôn.

Như vậy, giữa bà L và ông B đã có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng từ đầu năm 2017 dẫn đến việc cả hai sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Nay bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên yêu cầu ly hôn với ông Vũ Kim B, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được. Điều này cho thấy, tình nghĩa vợ chồng của bà L và ông B không còn như Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình đã nêu: "1.Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…".

Ông Vũ Kim B cũng xác định cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Kim L .

Chính vì vậy có cơ sở khẳng định hôn nhân của bà L và ông B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định trên, có cơ sở kết luận việc bà L xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện xuất phát từ mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Kim L.

- Về con chung: Căn cứ lời khai của bà Lê Thị Kim L và ông Vũ Kim B cùng Trích lục khai sinh số: 504/TL-KS-BS ngày 19/7/2018 của trẻ Vũ Thiên Hoàng, sinh ngày 22/11/2011 do Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đủ cơ sở xác định Lê Thị Kim L và ông Vũ Kim B có 01 (một) con chung tên là Vũ Thiên Hoàng, sinh ngày 22/11/2011.

Xét: Theo bà L và ông B trình bày hiện trẻ Vũ Thiên Hoàng đang do ông B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông B có công việc và thu nhập ổn định, có khả năng chăm sóc tốt cho con. Đồng thời, trong Đơn trình bày nguyện vọng tại Tòa án thì trẻ Vũ Thiên Hoàng có mong muốn được tiếp tục sống cùng cha là ông Vũ Kim B. Phía ông B vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản khai cũng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Vũ Thiên Hoàng. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao trẻ Vũ Thiên Hoàng cho ông B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ. Nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao ông Vũ

Kim B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên là Vũ Thiên Hoàng, sinh ngày 22/11/2011.

Do ông Vũ Kim B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không ghi nhận được việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Ghi nhận sự tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con của bà Lê Thị Kim L.

- Về tài sản chung: bà Lê Thị Kim L và ông Vũ Kim B xác định không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: bà Lê Thị Kim L khai không có nợ chung với ông Vũ Kim B.

Phía ông Vũ Kim B khai trong quá trình chung sống vợ chồng có nợ của ngân hàng HD số tiền 150.000.000đồng nên yêu cầu bà L phải trả cho ông B số tiền 50.000.000đồng trước khi ly hôn.

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ông Vũ Kim B có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu của mình và yêu cầu ông B đưa ra không thuộc trường hợp không phải chứng minh. Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho ông Vũ Kim B theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 385 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để triệu tập ông Vũ Kim B đến Tòa án nhân dân Quận 6 ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu trên và làm rõ khoản nợ này nhưng ông Vũ Kim B đều vắng mặt không lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, thì bà Lê Thị Kim L chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng số: AA/2018/0018452, ngày 31/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 189, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273, Điều 385 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim L:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Kim L và ông Vũ Kim B thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Bà Lê Thị Kim L và ông Vũ Kim B có 01 (một) con chung tên là Vũ Thiên Hoàng, sinh ngày 22/11/2011.

Giao ông Vũ Kim B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 (một) con tên là Vũ Thiên Hoàng, sinh ngày 22/11/2011.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Kim L và ông Vũ Kim B tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị Kim L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Kim L khai không có tài sản chung với ông Vũ Kim B .

- Về nợ chung: Bà Lê Thị Kim L khai không có nợ chung với ông Vũ Kim B.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim L chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0018452 ngày 31/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 126 do Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/6/2013 hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

4. Bà Lê Thị Kim L và ông Vũ Kim B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND Phường 15, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Bình Minh